TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **75**/2024/DS-ST
Ngày: 13- 6 -2024.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh L.

- Bà Bùi Thị Hồng Lam.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Ông Đặng Huỳnh Khánh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh BT.

Ngày 13 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2024/TLST – DS ngày 09 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1977 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Long Thạnh, xã LH, huyện BĐ, tỉnh BT.

- Bị đơn: Bà **Phan Thị B**, sinh năm 1953 (Có mặt).

Cư trú: Ấp 2, xã ThL, huyện BĐ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 24/01/2024 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày nội dung khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:*

Ông và bà Phan Thị B có quen biết, nên khi bà B gặp khó khăn có hỏi vay tiền, ông cho bà B vay số tiền là 310.000.000 đồng vào ngày 24/11/2014. Sau đó 01 tháng vào ngày 25/12/2014 bà B vay tiếp số tiền 5.000.000 đồng (không làm giấy mượn), tổng cộng 02 lần vay là 315.000.000 đồng, bà B tự nguyện lập văn bản bằng giấy nhận tiền có chữ ký của bà.

Tuy nhiên, trong giấy vay tiền không ghi thời gian trả cụ thể nhưng khi nào ông cần thì thông báo cho bà B trước 01 tháng, hai bên thống nhất lãi suất là 01%/tháng. 03 tháng đầu kể từ ngày lập giao kết bà B có trả lãi, sau đó bà không trả lãi nửa, ông đã liên hệ với bà B nhiều lần để đòi lại khoản tiền đã cho vay nhưng bà B vẫn không trả vốn và lãi. Đến ngày 26/11/2023 bà B viết giấy hẹn, trước ngày 26/02/2024 bà B sẽ trả cho tôi 100.000.000 đồng nhưng sau đó cũn không thực hiện.

Do đó, tại phiên tòa hôm nay ông yêu cầu bà Phan Thị B phải trả cho ông số vốn vay là 315.000.000 đồng, ông không yêu cầu trả lãi suất từ lúc vay cho đến ngày Tòa án xét xử.

Chứng cứ của nguyên đơn khởi kiện là: Biên nhận vay tiền có chữ ký tên xác nhận của bà Phan Thị B đề ngày 17/10/2014 âm lịch,Giấy hẹn có chữ ký tên xác nhận của bà Phan Thị B đề ngày 26/11/2023.

* Tại phiên tòa, bị đơn Phan Thị B thừa nhận vào năm 2014 có vay của ông Trần Văn L số tiền là 315.000.000 đồng, nhưng do khó khăn xin trả dần mỗi tháng hai triệu đồng.

* Tại phiên tòa, ông Trần Văn L yêu cầu bà B phải trả một lần số tiền còn thiếu, không đồng cho trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ông Trần Văn L khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị B phải trả số tiền nợ vay. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có đăng ký thường trú tại ấp Chợ, xã ThL, huyện BĐ, tỉnh BT. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện BĐ.

Về nội dung vụ án:

[3] Tại phiên tòa, ông Trần Văn L không yêu cầu bà Phan Thị B phải trả số tiền đã vay. Xét thấy, đây là quyền quyết định và định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận mà không xem xét giải quyết.

[4] Tại phiên tòa, bị đơn Phan Thị B thừa nhận còn nợ số tiền vốn vay như nguyên đơn đã khởi kiện, thừa nhận chứng cứ nguyên đơn đưa ra. Căn cứ

khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết đã được bị đơn thừa nhận, nguyên đơn không cần phải chứng minh.

Do đó, nguyên đơn Trần Văn L khởi kiện bà Phan Thị B phải trả số tiền vốn vay năm 2014 là 315.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xủ chấp nhận. Buộc bà Phan Thị B phải có nghĩa vụ trả một lần số tiền vốn vay còn thiếu ông Trần Văn L là 315.000.000 đồng.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễm nộp tiền án phí, nên Hội đồng xét xử xem xét miễn cho bị đơn toàn bộ số tiền án phí mà bị đơn phải chịu theo quy định Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 71, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L đối với bà Phan Thị B. Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bà Phan Thị B phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn L số tiền đã vay là 315.000.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Phan Thị B được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí.

- Ông Trần Văn L được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.470.900 đồng (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi nghìn chín trăm đồng) theo biên

lai thu tiền số 0005717, ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh BT.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Trần Văn L, bà Phan Thị B có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BT (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Loan